

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 29/03/2019

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bản niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

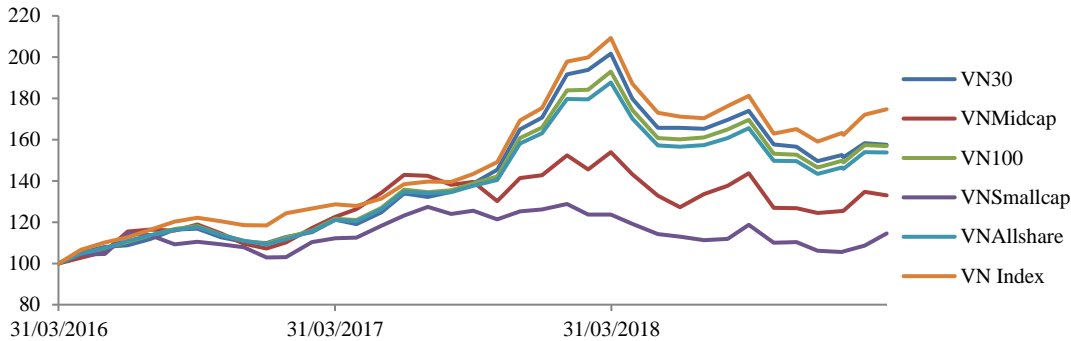
Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Chuẩn phân ngành

Các cổ phiếu thành phần bộ chỉ số được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Tăng trưởng chỉ số từ 31/03/2016 đến 29/03/2019



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/03/2016

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2016	2017	2018	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	7.46%	48.27%	-12.02%	-0.09%	7.22%	-7.11%	-18.06%	53.80%	44.25%	15.43%	7.60%
VN30	5.48%	53.89%	-12.36%	-0.54%	5.28%	-9.51%	-21.94%	57.45%	34.26%	16.34%	6.07%
VNMidcap	8.24%	32.38%	-12.78%	-1.24%	6.84%	-7.46%	-13.59%	33.01%	55.79%	9.98%	9.27%
VN100	7.00%	50.21%	-11.68%	-0.34%	7.04%	-7.58%	-18.74%	56.82%	45.59%	16.18%	7.80%
VNSmallcap	8.94%	22.54%	-15.81%	5.40%	7.83%	-3.47%	-7.39%	14.53%	20.48%	4.63%	3.80%
VN Index	14.82%	46.46%	-9.32%	1.58%	9.88%	-3.58%	-16.49%	74.75%	65.79%	20.45%	10.64%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	6.89%	11.47%	19.44%	26.26%	34.36%
VN30	7.21%	12.12%	21.13%	28.89%	37.48%
VNMidcap	6.20%	11.27%	19.21%	25.89%	34.01%
VN100	7.06%	11.77%	20.09%	27.06%	35.21%
VNSmallcap	4.63%	7.75%	11.60%	19.50%	30.15%
VN Index	6.76%	11.81%	20.18%	27.88%	37.23%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	98.09%	97.73%	97.13%	95.77%	94.77%
VN30	96.06%	96.63%	96.96%	95.57%	94.71%
VNMidcap	72.12%	84.84%	84.36%	78.36%	79.84%
VN100	98.08%	97.69%	97.20%	95.88%	94.90%
VNSmallcap	64.53%	79.72%	79.12%	69.05%	70.94%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	252	30	70	100	152
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,789,036	2,396,774	299,773	2,696,547	92,489
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,021,726	828,102	147,236	975,338	46,388
Trung bình	4,054	27,603	2,103	9,753	305
Cao nhất	117,371	117,371	9,941	117,371	1,791
Thấp nhất	17	3,068	232	232	17
Trung vị	459	20,753	1,603	2,474	225
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	11.49%	14.17%	6.75%	12.03%	3.86%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	56.52%	69.73%	38.03%	59.21%	21.29%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chi khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

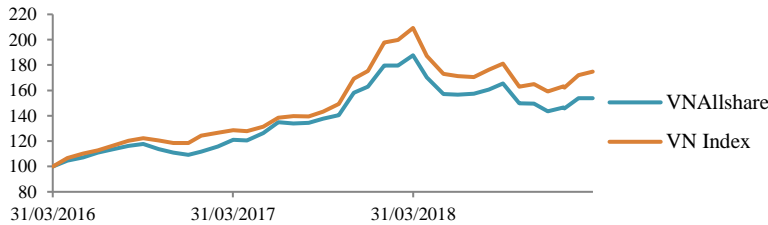
Đặc điểm chỉ số

	252
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,789,036
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,021,726
Trung bình	4,054
Cao nhất	117,371
Thấp nhất	17
Trung vị	459
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	11.49%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	56.52%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNAllshare: Theo thời gian thực (1 phút/ lần)
 - VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/03/2016 đến 29/03/2019



* Các chỉ số trên được giá lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/03/2016

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	6.89%	11.47%	19.44%	26.26%	34.36%

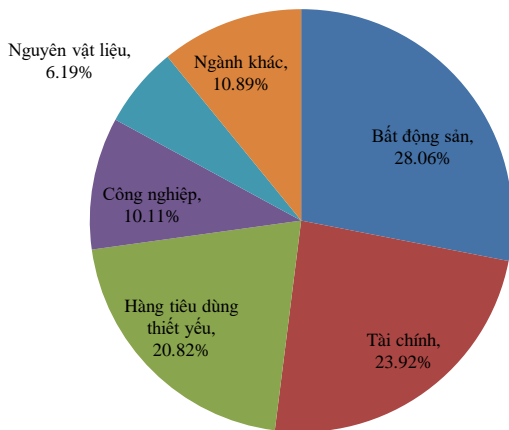
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	98.09%	97.73%	97.13%	95.77%	94.77%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2016	2017	2018	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNAllshare	7.46%	48.27%	-12.02%	-0.09%	7.22%	-7.11%	-18.06%	53.80%	44.25%	15.43%	7.60%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	117,371	11.49%
2	VIC	Bất động sản	110,973	10.86%
3	VHM	Bất động sản	76,620	7.50%
4	TCB	Tài chính	58,183	5.69%
5	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	44,124	4.32%
6	HPG	Nguyên vật liệu	41,034	4.02%
7	VRE	Bất động sản	36,260	3.55%
8	VPB	Tài chính	34,738	3.40%
9	VJC	Công nghiệp	31,549	3.09%
10	MBB	Tài chính	26,617	2.61%
	Tổng cộng		577,469	56.52%

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Bất động sản	35	286,746	28.06%
Tài chính	24	244,439	23.92%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	24	212,711	20.82%
Công nghiệp	65	103,317	10.11%
Nguyên vật liệu	37	63,214	6.19%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAIshare.

Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,396,774
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	828,102
Trung bình	27,603
Cao nhất	117,371
Thấp nhất	3,068
Trung vị	20,753
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	14.17%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	69.73%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009

Giá trị cơ sở: 313.34

Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập

Tần suất tính:

- VN30: Theo thời gian thực (1 phút/ lần)

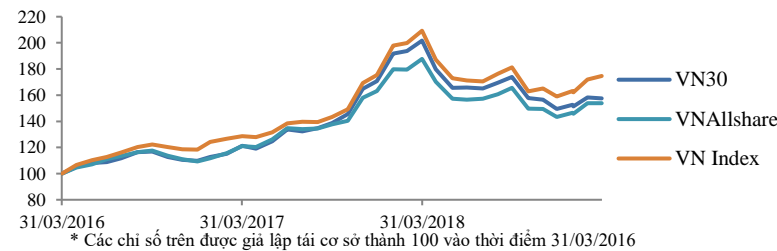
- VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%

Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.

Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/03/2016 đến 29/03/2019



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	7.21%	12.12%	21.13%	28.89%	37.48%

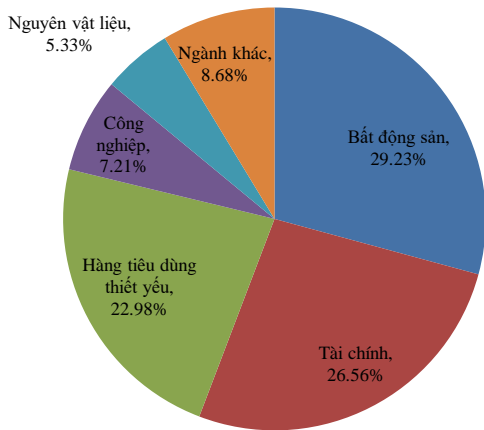
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	96.06%	96.63%	96.96%	95.57%	94.71%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2016	2017	2018	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN30	5.48%	53.89%	-12.36%	-0.54%	5.28%	-9.51%	-21.94%	57.45%	34.26%	16.34%	6.07%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	117,371	14.17%
2	VIC	Bất động sản	110,973	13.40%
3	VHM	Bất động sản	76,620	9.25%
4	TCB	Tài chính	58,183	7.03%
5	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	44,124	5.33%
6	HPG	Nguyên vật liệu	41,034	4.96%
7	VRE	Bất động sản	36,260	4.38%
8	VPB	Tài chính	34,738	4.19%
9	VJC	Công nghiệp	31,549	3.81%
10	MBB	Tài chính	26,617	3.21%
	Tổng cộng		577,469	69.73%

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Bất động sản	4	242,024	29.23%
Tài chính	9	219,984	26.56%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	4	190,332	22.98%
Công nghiệp	6	59,740	7.21%
Nguyên vật liệu	2	44,102	5.33%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAIshare" và "VNAIshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	299,773
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	147,236
Trung bình	2,103
Cao nhất	9,941
Thấp nhất	232
Trung vị	1,603
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.75%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	38.03%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014

Giá trị cơ sở: 560.19

Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập

Tần suất tính:

- VNMidcap: Theo thời gian thực (1 phút/ lần)

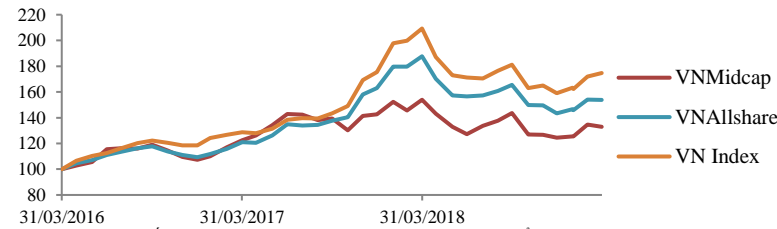
- VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%

Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.

Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/03/2016 đến 29/03/2019



* Các chỉ số trên được giá lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/03/2016

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	6.20%	11.27%	19.21%	25.89%	34.01%

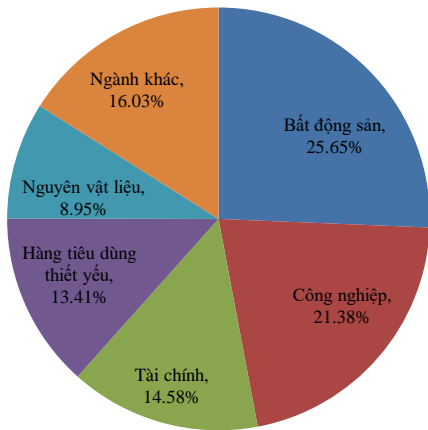
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	72.12%	84.84%	84.36%	78.36%	79.84%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2016	2017	2018	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	8.24%	32.38%	-12.78%	-1.24%	6.84%	-7.46%	-13.59%	33.01%	55.79%	9.98%	9.27%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	TPB	Tài chính	9,941	6.75%
2	KDH	Bất động sản	7,875	5.35%
3	GEX	Công nghiệp	7,513	5.10%
4	DXG	Bất động sản	5,851	3.97%
5	KBC	Bất động sản	5,179	3.52%
6	TCH	Công nghiệp	4,391	2.98%
7	VCI	Tài chính	4,313	2.93%
8	VHC	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3,734	2.54%
9	NLG	Bất động sản	3,617	2.46%
10	HNG	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3,579	2.43%
	Tổng cộng		55,993	38.03%

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Bất động sản	13	37,763	25.65%
Công nghiệp	13	31,482	21.38%
Tài chính	7	21,467	14.58%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	8	19,751	13.41%
Nguyên vật liệu	12	13,177	8.95%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

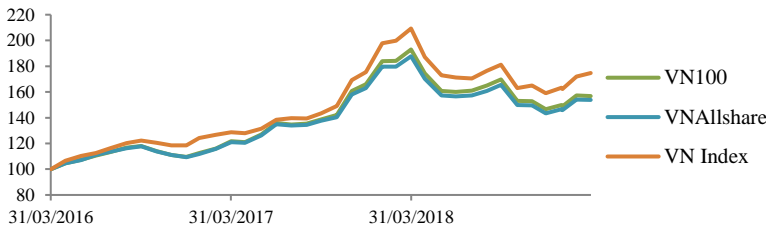


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,696,547
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	975,338
Trung bình	9,753
Cao nhất	117,371
Thấp nhất	232
Trung vị	2,474
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	12.03%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	59.21%

Tăng trưởng chỉ số từ 31/03/2016 đến 29/03/2019

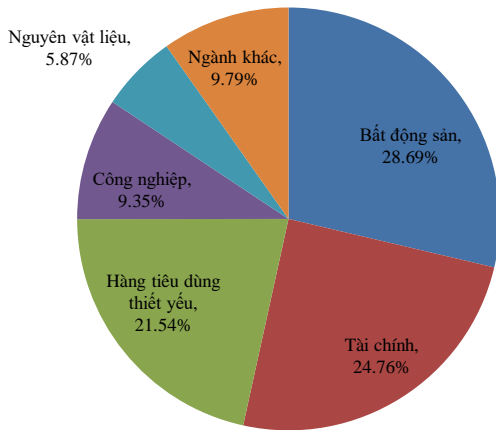


* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/03/2016

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2015	2016	2017	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN100	7.00%	50.21%	-11.68%	-0.34%	7.04%	-7.58%	-18.74%	56.82%	45.59%	16.18%	7.80%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Bất động sản	17	279,787	28.69%
Tài chính	16	241,451	24.76%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	12	210,084	21.54%
Công nghiệp	19	91,221	9.35%
Nguyên vật liệu	14	57,279	5.87%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014

Giá trị cơ sở: 560.19

Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập

Tần suất tính:

- VN100: Theo thời gian thực (1 phút/ lần)

- VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%

Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.

Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	7.06%	11.77%	20.09%	27.06%	35.21%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	98.08%	97.69%	97.20%	95.88%	94.90%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	117,371	12.03%
2	VIC	Bất động sản	110,973	11.38%
3	VHM	Bất động sản	76,620	7.86%
4	TCB	Tài chính	58,183	5.97%
5	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	44,124	4.52%
6	HPG	Nguyên vật liệu	41,034	4.21%
7	VRE	Bất động sản	36,260	3.72%
8	VPB	Tài chính	34,738	3.56%
9	VJC	Công nghiệp	31,549	3.23%
10	MBB	Tài chính	26,617	2.73%
	Tổng cộng		577,469	59.21%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

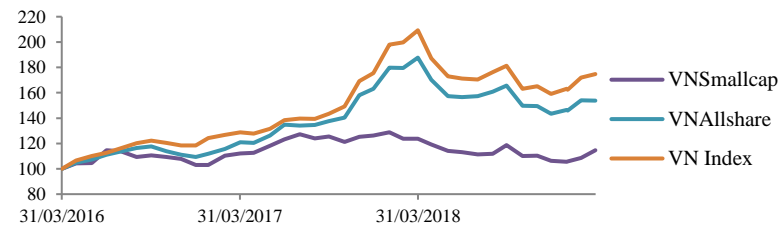
Đặc điểm chỉ số

	152
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	92,489
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	46,388
Trung bình	305
Cao nhất	1,791
Thấp nhất	17
Trung vị	225
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	3.86%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	21.29%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNSmallcap: Theo thời gian thực (1 phút/ lần)
 - VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/03/2016 đến 29/03/2019



* Các chỉ số trên được giá lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/03/2016

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	4.63%	7.75%	11.60%	19.50%	30.15%

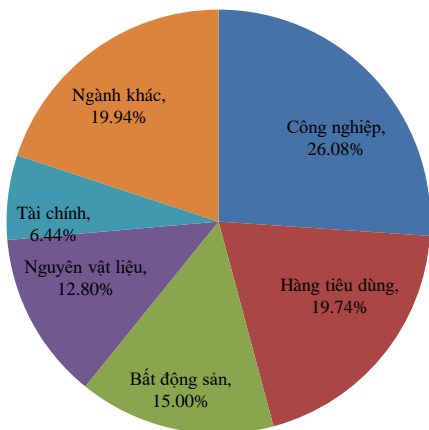
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	64.53%	79.72%	79.12%	69.05%	70.94%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2016	2017	2018	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNSmallcap	8.94%	22.54%	-15.81%	5.40%	7.83%	-3.47%	-7.39%	14.53%	20.48%	4.63%	3.80%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	DBD	Chăm sóc sức khỏe	1,791	3.86%
2	FTS	Tài chính	1,028	2.22%
3	TCM	Hàng tiêu dùng	994	2.14%
4	NVT	Bất động sản	989	2.13%
5	VNG	Hàng tiêu dùng	954	2.06%
6	DPG	Công nghiệp	885	1.91%
7	VRC	Công nghiệp	843	1.82%
8	LCG	Công nghiệp	808	1.74%
9	TDH	Bất động sản	798	1.72%
10	DHC	Nguyên vật liệu	784	1.69%
	Tổng cộng		9,874	20.29%

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	46	12,096	26.08%
Hàng tiêu dùng	24	9,158	19.74%
Bất động sản	18	6,959	15.00%
Nguyên vật liệu	23	5,936	12.80%
Tài chính	8	2,988	6.44%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

